

Bản án số: 15/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 14 tháng 8 năm 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và ông Hà Đức Trưởng;
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P;
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa:** Ông Hà Trọng T – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30/7/2024.

Nguyên đơn: Anh Hà Quốc C, sinh ngày 18/10/1999 (có mặt);

Địa chỉ: Khu M, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Chị Phạm Thị T1, sinh ngày 29/12/1999 (có mặt);

Địa chỉ: Khu M, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện tại: Xóm E, Thôn N, xã V, Thành Phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. **Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn anh Hà Quốc C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/11/2020, anh và chị Phạm Thị T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh tại Khu M, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh chị hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 (mười) tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Sau đó, chị T1 đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ thuộc xóm E, Thôn N, xã V, Thành Phố T, tỉnh Thái Bình để ở.

Vợ chồng đã ly thân từ thời điểm chị T1 về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, cho anh ly hôn với chị T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu: Hà Phạm Quỳnh A, sinh ngày 06/3/2021. Hiện cháu đang ở cùng với anh, khi ly hôn, anh xin nuôi con chung và không yêu cầu chị T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. **Về phía bị đơn chị Phạm Thị T1 trình bày:**

Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Chị T1 xác nhận thời điểm đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân như anh C trình bày. Nay anh C xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có con chung như anh C đã trình bày. Khi ly hôn, chị xin nuôi con và không yêu cầu anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh C và chị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị T1. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu H Phạm Quỳnh A cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì anh C không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, anh C, chị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh C có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ cho anh ly hôn với chị T1, căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/11/2020, anh Hà Quốc C và chị Phạm Thị T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quan hệ hôn nhân giữa hai bên được xác lập là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của Nguyên đơn và Bị đơn, Tòa án đã làm rõ vợ chồng anh, chị đã ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Bên cạnh đó, anh C, chị T1 cũng xác nhận việc này và cùng có yêu cầu xin được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn của anh C và chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có 01 (một)

con chung là cháu: Hà **Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 06/3/2021. Khi ly hôn, cả anh **C** và chị **T1** đều xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu này của anh **C** và chị **T1** là chính đáng, Hội đồng xét xử xem xét dựa trên các chứng cứ, tài liệu được cung cấp và thu thập hợp pháp dưới đây:

Các chứng cứ do Nguyên đơn, Bị đơn trình bày về thời gian nuôi con như sau:
Anh **C** và chị **T1** đều xác định khoảng tháng 2/2022, chị **T1** đưa con về nhà ông bà ngoại tại **xóm E, Thôn N, xã V, Thành Phố T, tỉnh Thái Bình** sinh sống, chị **T1** đã cùng bố mẹ đẻ của mình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Quỳnh A**. Khoảng cuối tháng 10/2022, anh **C** xuống đón cháu **Quỳnh A** về nhà và chăm sóc cháu từ đó đến nay.

Chị **T1** cho rằng khi đón cháu **Quỳnh A**, không có sự đồng ý của gia đình chị, mà chị chỉ cho anh **C** đưa cháu lên bệnh viện để khám xem cháu có vấn đề gì về tâm lý không. Tuy nhiên, anh **C** đã không làm theo cam kết, đưa cháu về thẳng nhà anh **C**, ngăn cản gia đình chị thăm nom, chăm sóc cháu. Bên cạnh đó, mẹ đẻ chị **T1** cũng có văn bản trình bày về việc bà là người trực tiếp, nuôi dưỡng cháu **Quỳnh A** từ tháng 8/2021 cho đến tháng 10/2022, khi đó cháu có biểu hiện của trẻ bị tự kỷ, chậm nói, không có phản xạ khi được gọi tên, khi anh **C** đón cháu **Quỳnh A**, gia đình chỉ thỏa thuận là đưa cháu đi khám chứ không giao lại con cho anh **C** nuôi dưỡng (*bút lục số 54, 55*).

Anh **C** thì cho rằng: Khi đón cháu từ nhà ông bà **N** về, cháu có biểu hiện tâm lý bất thường, sợ sệt, hay gào thét, nếu không vừa ý, cháu có thể dùng đồ chơi, hoặc bất kỳ vật gì tự tác động lên cơ thể mình, do thời điểm đó còn ảnh hưởng của dịch Covid nên đã đưa cháu về nhà ông bà nội. Gia đình anh không ngăn cản, cảm đoán chị **T1** chăm sóc con, nhưng bản thân chị **T1** chỉ về thăm con một lần vào dịp tết Nguyên đán năm 2023, ngoài ra không hỗ trợ gì khác cho cháu.

Ngoài những lời trình bày, anh **C**, chị **T1** đều không đưa được ra các căn cứ để chứng minh việc các bên thiếu quan tâm chăm sóc con chung hoặc ngăn cản, cản trở việc chăm sóc con chung.

Tại hồ sơ khám sức khỏe ngày 18/7/2024 của cháu **Quỳnh A** tại **Bệnh viện S** đã

xác định các chỉ số về sức khỏe của cháu hoàn toàn bình thường, tuy nhiên, cháu bị “chậm ngôn ngữ” (*bút lục số 57, 58, 59*). Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, cháu **Quỳnh A** được gia đình chị **T1** chăm sóc, nuôi dưỡng trong khoảng thời gian từ tháng 2/2022 cho đến tháng 10/2022, anh **C**, cùng gia đình chăm sóc cháu từ khoảng tháng 11/2022 cho đến nay; sức khỏe về mặt thể chất cháu hoàn toàn bình thường, tuy nhiên có một số biểu hiện của trẻ bị chậm ngôn ngữ.

Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Anh **C** và chị **T1** đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Quỳnh A**. Cả hai có nơi ở, cư trú ổn định, tham gia lao động và có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm khá so với mức thu nhập trung bình của cả nước (*từ bút lục số 31 đến 34 và từ 62 đến 68*).

Bản thân bà **N** của cháu có văn bản đề đạt nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cháu, cam kết gia đình có thể thuê riêng bác sỹ về chăm sóc cho cháu. Gia đình bên nội cũng cung cấp cho Tòa án chứng cứ thể hiện khi phát hiện cháu có biểu hiện về tâm lý đã đưa cháu đi học tại trung tâm dành cho các bé đặc biệt (*bút lục số 38*).

Do đó, hội đồng xét xử thấy rằng, cả anh **C**, chị **T1** và gia đình hai bên đều có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu bé, cùng có nguyện vọng được nuôi con và cùng có mối quan tâm đặc biệt dành cho cháu.

Về các chứng cứ do tòa án thu thập: Tuân thủ theo quy định tại khoản 3, Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại tiêu mục số 25, mục IV về tố tụng dân sự, thi hành án dân sự của văn bản số: 01/2017/GĐ – TANDTC về một số vấn đề về nghiệp vụ ngày 07/4/2017 do Tòa án nhân dân Tối cao ban hành. Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn đã thu thập chứng cứ tại **UBND xã L**, xác minh tại **Trường Mầm Non xã L**, xác minh tại khu dân cư và đại diện tổ chức đoàn thể nơi cháu **Quỳnh A** đang cư trú về điều kiện chăm sóc, đồng thời tham khảo ý kiến của các tổ chức, cá nhân về việc giao cháu **Quỳnh A** cho bố hoặc mẹ chăm sóc là phù hợp? Đối với các cơ quan, tổ chức, và cá nhân khi được tham khảo ý kiến đều xác định gia đình anh **C** có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu **Quỳnh A**, hiện cháu đang sống ổn định, được yêu thương, quan tâm chu đáo nên cần giao cho bố cháu là anh **C** được tiếp tục nuôi dưỡng (*bút lục số 20, 21, 22*).

Mặt khác theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 6 của Nghị Quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình khi giải quyết việc nuôi con khi ly hôn theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, ngoài những yếu tố về điều kiện chăm sóc, giáo dục, nguyện vọng của các bên thì cần “*Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con*”. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Quỳnh A đang sinh sống ổn định cùng anh C, vì vậy cần tiếp tục duy trì sự ổn định này.

Căn cứ vào những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh C là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi anh C, chị T1 có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh C, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 và hướng dẫn tại tiết 11, mục IV của văn bản số: 02/TANDTC – PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 thì anh C, chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm tương ứng như trường hợp các bên thuận tình ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh C và chị T1 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 khoản 4, Điều 147, và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Hà Quốc C** và chị **Phạm Thị T1**.
- 2. Về con chung:** Giao cháu **H Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 06/3/2021 cho anh **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên. Chị **T1** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì anh **C** không yêu cầu; người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không bên nào được ngăn cấm, cản trở.
- 3. Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
- 4. Án phí dân sự sơ thẩm:** Anh **Hà Quốc C** và chị **Phạm Thị T1** mỗi người phải chịu 75.000VNĐ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh **C** đã nộp 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0004651 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí, trả lại cho anh **Hà Quốc C** 225.000 VNĐ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp.
- 5. Về quyền kháng cáo:** Anh **C**, chị **T1** có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
- 6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Lc;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tân Khải Nhân